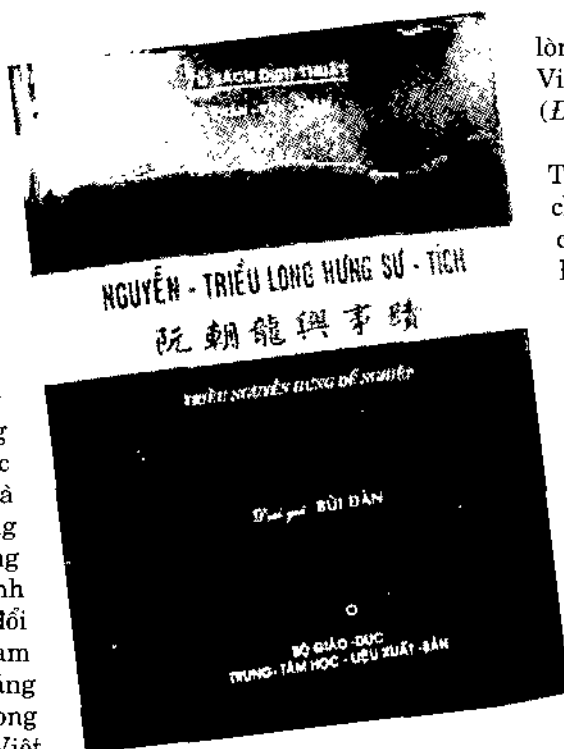


Về việc định danh QUỐC HIỆU VIỆT NAM

Tôn Thất Thọ

Quốc hiệu Việt Nam chính thức xuất hiện vào thời nhà Nguyễn. Tư liệu lịch sử nhiều nguồn đã ghi lại: Vua Gia Long đã đề nghị nhà Thanh công nhận quốc hiệu *Nam Việt*, với lý lẽ rằng “Nam” có ý nghĩa “An Nam” còn “Việt” có ý nghĩa “Việt Thường”. Tuy nhiên tên *Nam Việt* trùng với quốc hiệu của quốc gia cổ *Nam Việt* thời nhà Triệu, gồm cả Quảng Đông và Quảng Tây của Trung Hoa. Do đó, vua nhà Thanh yêu cầu nhà Nguyễn đổi ngược lại thành *Việt Nam* để tránh nhầm lẫn. Tháng 3 năm 1804, vua Gia Long đổi quốc hiệu nước ta là *Việt Nam*.

Về việc đặt quốc hiệu *Việt Nam*, sách *Đại Nam thực lục* chép: “Vua lại sai bọn Lê Quang Định sang xin phong và xin đổi quốc hiệu, trong thư nói: Các đời trước mở mang cõi viêm bang, mỗi ngày một rộng, bao gồm cả các nước *Việt Thường*, *Chân Lạp*, dựng quốc hiệu là *Nam Việt*, truyền nối



hơn 200 năm. Nay đã quét sạch miền Nam, vô yên được toàn cõi *Việt*, nên khôi phục hiệu cũ để chính danh tốt”. Vua Thanh trước cho rằng chữ *Nam Việt* giống chữ *Đông Tây Việt* nên không muốn cho. Vua hai ba lần phúc thư để biện giải, lại nói nếu vua Thanh không cho thì không chịu phong, vua Thanh sợ mất

lòng nước ta, mới dung chữ *Việt Nam* để đặt tên nước...” (*DNTL*, sdd, tr. 580).

Ngày 17 tháng 2 năm Giáp Tý (1804) quốc hiệu *Việt Nam* chính thức được vua ban bố cho toàn dân tại Thái Miếu Đại nội Huế.

Qua phần dịch sách *Thực lục* của Viện Sử học ở đoạn trích trên, ta có thể hiểu quốc hiệu *Việt Nam* do chính vua nhà Thanh chủ động đổi lại từ *Nam Việt* của vua Gia Long.

Đây là điều mà bài viết cần tham khảo thêm.

Đọc trong sách *Nguyễn Triều long hung sự tích*, xuất bản năm 1969 tại Sài Gòn do Bùi Dân dịch thì vụ việc được ghi cho chúng ta một nhận định khách quan hơn. Tác giả sách này là Tống Viết Dạm, một công thần của vua Gia Long ghi chép, và sau đó Trần Văn Tuấn, ông làm quan suốt thời gian vua Gia Long và Minh Mạng trị vì.

Tiểu sử của ông Trần Văn Tuấn được chép trong sách *Thực lục* như sau:

Tháng Giêng năm Nhâm

Tuất (1802) được bổ Cai bạ Quảng Trị, tháng 7 năm Giáp Tý (1804) bổ Ký lục Bình Định. Năm 1809, trở lại chức Cai bạ Quảng Nam. Tháng 12 năm Quý Dậu (1813) được thăng Hữu Tham tri bộ Lại. Năm Bính Tý (1816) sung chức Tả hữu nội tán. Tháng 11 năm Đinh Sửu (1817) lãnh Hình tào thành Gia Định, nhận nhiệm vụ mộ thêm dân ngoại tịch làm bốn vệ Bảo Thành. Tháng 11 năm Mậu Dần (1818) thay Nguyễn Văn Thoại lãnh việc bảo hộ Chân Lạp. Năm sau, 1819 lại về Gia Định lĩnh Hình tào.

Dưới thời Minh Mạng (1820-1840) ông được bổ lĩnh Binh tào ở Gia Định. Năm Minh mệnh thứ 5 (1824) về hưu với chức Hàn Lâm viện thị độc, Tháng 7 năm đó (1824), ông bị kết tội *trảm giam hậu*. Lý do là sau thời gian làm bảo hộ Chân Lạp về lại Gia Định, ông thường nhận quà cáp của người Chân Lạp, ngoài ra ông có giao thiệp thư từ với vua Chân Lạp nên bị kết tội giao thiệp trái phép với nước ngoài.

Năm Mậu Tý (1828), ông được tha tội và điều ra Bắc để sai phái...

Với thời gian dài làm việc suốt thời gian trị vì của 2 vua Gia Long và Minh Mạng, những điều mà ông ghi chép dưới vua thời Gia Long rất đáng được quan tâm.

Đoạn cuối của tập sách ông viết: "Tập tài liệu này nguyên từ năm Quý Sửu (tức năm 1793) trở về trước, thấy ở Trung doanh Giám quan Tổng Viết Dạm đã biên chép. Từ năm Quý Sửu trở về sau. Tuần này tòng chinh nên tất cả những gì mắt thấy tai nghe đều ghi chép kỹ và thu góp chép lại thành tập -

Năm Gia Long thứ 18,

tháng 12, ngày 25 - Trần Văn Tuấn phụng biên".

Như thế tập sách này do Tổng Viết Dạm (? - 1794) một đại tướng của Nguyễn Ánh ghi chép và Trần Văn Tuấn đã tập hợp và biên chép thêm. Với nguồn gốc tác phẩm và tác giả như thế, ta có thể nhận định sự ghi chép của vị quan trên cụ thể hơn *Đại Nam thực lục* do Quốc sử quán soạn dưới thời Minh Mạng.

Về đoạn đặt quốc hiệu, tác giả viết:

"Tháng 5 năm ấy (Nhâm Tuất 1802)

Công việc xếp đặt xong, tiếp ngay đến việc bàn định thiết lập ba sứ bộ giao thiệp với Thanh triều. Bộ nào có đặc vụ bộ ấy: Một bộ xin nạp sắc và ấn của Tàu phong cho Cảnh Thịnh từ trước.

Một bộ xin đổi quốc hiệu làm VIỆT NAM (hiệu cũ là AN NAM)

Một bộ xin phong..."

Ở đoạn sau, ông chép:

"Về việc lập các sứ bộ giao thiệp với Thanh triều, trong đó có việc xin đổi quốc hiệu nhân vì họ Vương là quan tri phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây đã xoay sở trong việc trao đổi thư qua lại nhiều lần với ta bắt bẻ hai chữ NAM VIỆT, viện lẽ rằng: ĐÔNG VIỆT và TÂY VIỆT ngày xưa tức là Quảng Đông và Quảng Tây ngày nay. Nếu đã cho tên tất phải cho đất. Đó là việc chưa được thỏa đáng, cho nên sứ bộ chưa lên đường được.

Đức Thế tổ xuống nghị minh biện chữ Nam Việt đưa sang Tàu. Trong công văn ấy viện lẽ rằng: Từ xưa nước Nam vốn dĩ đã mang tên Việt Thường. Hưởng chi trong số triều thần Bắc quốc có Lý Giác Phong đã dùng hai chữ Nam Việt trong bài cổ thi của ông. Bởi lý do đó, xin đổi quốc hiệu

là VIỆT NAM.

Sau khi có lời minh biện đó, Vương Tri phủ Thái Bình mới đem việc này cụ bẩm lên dinh Tuần phủ Quảng Tây để chuyển tấu lên vua Thanh.

Gia Khánh đại hoàng đế chăm chú định lại quốc hiệu của ta làm VIỆT NAM và chuẩn cho sứ bộ tiến kinh triều yết..." (Nguyễn triều long hưng sự tích..., sdd, tr.45-46)

Qua nội dung những điều ghi trong *Thực lục* và *Nguyễn triều long hưng sự tích*, ta thấy:

1- Năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long cho lập đoàn sứ xin đổi quốc hiệu là *Nam Việt* thay cho An Nam có từ thời Quang Trung.

2 - Theo thủ tục, văn thư gửi đến tri phủ ở Quảng Tây để chuyển đạt trước khi phái đoàn đi sứ, nhưng viên này đã bắt bẻ hai chữ *Nam Việt* nên chưa lên đường được ngay.

3- Gia Long gửi văn thư biện minh về hai chữ Nam Việt, và sau đó chính ông đã tự đổi lại là Việt Nam, đồng thời trong thư viết rằng: nếu không chấp thuận thì không nhận phong. Và do đó, vua Thanh phải "châm chước" để chấp thuận y như đề nghị mà Gia Long đã đề xuất.

Từ đó việc cho rằng vua Thanh đổi quốc hiệu từ *Nam Việt* sang *Việt Nam* là không chính xác, mà quốc hiệu này do chính Gia Long đã chủ động đặt ra?■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. *Đại Nam thực lục tập 1*, Quốc sử quán triều Nguyễn, Nxb. Giáo Dục, 2007.

2. *Nguyễn triều long hưng sự tích*, Trần Văn Tuấn, Bùi Đản dịch, Bộ Giáo Dục - TTHL Sài Gòn xuất bản năm 1968.

cung cả đến cỏ lá cho voi ngựa, cũng thuê, hoặc mua bằng giá hậu. Kẻ nghèo túng, cũng đều được nhờ. Đến như việc hầu hạ nơi cung quán, đồ đạc bày biện, mọi việc đều cẩn tĩnh giảm, sơ sai. Lại nghiêm sức cho những nhân viên quyền quý ở Kinh theo hầu giá, không được đòi hỏi yêu sách tí gì. Nhà trạm và đường trạm nhất nhất nghiêm túc. Các điều ấy, ai có tai mắt cũng đều nghe thấy cả. Từ Minh Mệnh năm thứ 8 đến nay, tính đốt đã 10 năm rồi. Nay nhân nhân rồi, lại định đi tuần. Mọi việc cũng theo lệ thường mà làm. Những nơi ngự giá đi qua, không bày đặt xa xỉ hoa lệ; xe loan đến đâu không đòi hỏi gì. Như vậy có làm hại dân chút nào mà người ta không vui? Cứ như Thanh Giản nói như thế, thì ra trong đó còn có ẩn tình chưa lộ rõ được.

Nay nếu vội trị tội ngay thì kẻ không biết sẽ nói là trảm không dung lời can ngăn, lại bắt trị tội người. Duy đối với lý phải hay trái cũng nên xét kỹ. Nếu Thanh Giản đi sát dân đen, thấu suốt ẩn tình của dân, nên vì dân mà tâu trình, thì trảm sao nỡ bắt tội! Nếu do lòng riêng nói ra rồi mượn lời để ngăn trở, thì không nên nhủ nhờ dung tha được. Và lại, Thanh Giản trước kia ở Kinh, cũng biết hăng hái cố gắng. Từ khi bổ chức làm ở ngoài, thì sinh lười nhác. Thí dụ như: năm ngoái, sửa chữa thuyền Thanh Loan ở địa phận hạt ấy, trái hơn 1 tháng, vẫn không từng đoái đến! Suy đó đủ biết đại khái được các việc khác. Nay có lẽ vì kho tàng, thành trì nhiều nơi chưa sửa sang, chỉnh đốn, không khỏi sợ việc, ngại khó, nên mới mượn thế để nói, mong được yên rồi, thì tội không còn chối được, nhưng

tội này hãy còn nhỏ. Nếu có lẽ vì quan lại lớn nhỏ ở tỉnh phần nhiều tham ô, thường dân ở làng xóm nhiều người oan khuất, sợ trảm đi tuần, phát giác tội lỗi, nên mượn cớ can ngăn, để toan che đậy bưng bít, thì tội ấy không gì to bằng!”

Liền sai Ngự sử Vũ Duy Tân, Nguyễn Bá Nghi đi dò xét. Còn việc đi tuần du hãy đình lại. Bọn Tân khi đến dò hỏi dân trong hạt, mọi người đều mong vua đến. Lại xét được những sự như công việc trong tỉnh bỏ bê trễ, quan lại tham nhũng tội tặc, liền đem tâu lên. Vua sai đình thần duyệt kỹ lại, ai nấy đều nói là Thanh Giản lừa dối bưng bít và xin trị tội. Rồi xin cứ theo dự trước, cử hành điển lễ long trọng để thỏa nguyện vọng dân chúng.

Vua nói: “Thế đủ biết: đã là quốc thị thì ai cũng lấy làm phải, đã là công luận thì không sao che giấu được. Phan Thanh Giản mượn lời để che đậy, đáng phải sai bắt trói đem về Kinh để trị tội, nhưng nghĩ: nay tuy xét thấy thành trì kho tàng phần nhiều chưa sửa chữa, cũng là tội về việc công và những quan lại thuộc hạ tham ô kém cỏi, không xứng với chức phận mà thôi, chứ bản thân không có tình tặc tham tang những loạn. Nếu vội trị tội nặng ngay thì lòng trảm hãy còn không nỡ. Chuẩn cho cách chức hàm Bố chính, giáng xuống làm thuộc viên lục phẩm Quảng Nam khổ sai, hiệu lực chuộc tội dưới quyền viên hộ lý Tuần phủ mới”. (*Đại Nam thực lục*, tập 4, sđd, tr.908-909).

Qua những điều mà *Đại Nam thực lục* đã ghi, ta thấy:

1 - Sự việc trên xảy ra vào năm Bình Thân (1836), chức vụ của Phan Thanh Giản bấy giờ không phải Tổng đốc mà là Bố chính Quảng Nam, hộ

lý ấn quan phòng Tuần phủ Nam Ngãi.

2 - Việc Phan Thanh Giản dâng sớ bàn can ngăn việc tuần thú của vua Minh Mạng là có thật. Qua đó nhà vua đã đình chỉ chuyến đi để điều tra tìm hiểu sự việc, chứ không có việc vua đã đến nơi mà lại còn đứng ra can xe!

3 - Nguyên nhân mà Phan Thanh Giản không muốn nhà vua đến các địa phương mình trấn nhậm là vì lúc đó, ông mới nhận chức chỉ thời gian ngắn, ở đó tình trạng quan lại tham nhũng tràn lan, nên ông không muốn điều tiếng xấu đến tai vua. Ông đưa lý do *làm việc công, bỏ việc tư* đã làm nhà vua nghi ngờ và cho điều tra tìm hiểu.

4 - Không có việc vua Minh Mạng điều tra và tha tội cho Phan Thanh Giản mà ngược lại, nhà vua đã giáng chức Bố chính cùng với chức Hộ lý quan phòng Tuần phủ Nam Ngãi của ông.

Năm 1953, khi biên soạn cuốn *Phan Thanh Giản (1796- 1867)* do Tân Việt xuất bản, tác giả Nam Xuân Thọ đã ghi đúng như nội dung mà *Đại Nam thực lục* chép là không có cuộc “ngự giá” của nhà vua:

“Thanh Giản dâng sớ ngăn giá: Hạt đàn nghe ngự giá sắp vào đều có lòng vui. Nhưng lúc này đang độ cấy cấy, nếu lo công mà bỏ tư thì dân lấy chi được no ấm hơn. Vua Minh Mạng đọc sớ, đình cuộc du lãm...” (Phan Thanh Giản, sđd, tr.21)■.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. *Nam bộ với triều Nguyễn và Huế xưa*, Nguyễn Đắc Xuân, Nxb. Hồng Đức, 2015.

2. *Đại Nam thực lục*, tập 4, QSQTN, Nxb. Giáo Dục, 2007.

3. Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản*, Nxb. Tân Việt tái bản lần II, 1957.